

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - NINH BÌNH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2025/ HNGĐ - ST**

Ngày: **26/8/2025**

“V/v: ly hôn, tranh chấp

về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 -NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hà Giang

2. Bà Lê Thu Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2025/TLST – HNGĐ ngày 02/04/2025 (của TAND huyện Y) về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/07/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/08/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị H, sinh ngày 20/9/1994; Căn cước công dân số: 0371940015xx; địa chỉ cư trú: xóm 3A, xã K, tỉnh Ninh Bình.

2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn D, sinh ngày: 01/02/1980. Căn cước công dân số: 030800023xx; địa chỉ cư trú: xóm 3A, xã K, tỉnh Ninh Bình

Tại phiên tòa có mặt chị H và anh D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn tự nguyện, có đăng ký UBND xã L vào ngày 21/9/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại gia đình anh D tại xóm 3A, xã K, tỉnh Ninh Bình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống H thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn chủ yếu là do anh D chơi cờ bạc, tất cả tài sản có giá trị của gia đình anh D đều mang đi bán hoặc cầm cố để trả nợ đánh bạc. Cuộc sống kinh tế gia đình ngày một khó khăn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Nhiều lần anh D có hành vi bạo hành chị, đánh đập chị nhiều lần hàng xóm phải đứng ra can ngăn. Mặc dù cuộc sống luôn trong tình trạng khó khăn kinh tế và áp lực về tinh thần nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng vì không muốn ảnh hưởng đến các con. Nhưng anh D không dừng lại ở đó, ngày càng chơi cờ bạc nản rồi về đánh đập vợ chửi con.

Do cuộc sống luôn bị bạo hành, áp lực sợ hãi chị đã quyết định dọn ra ngoài sống từ tháng 7/2024. Trong thời gian sống ly thân chị luôn phải tìm cách trốn tránh không dám liên lạc với ai vì sợ anh D tìm gặp bắt về sẽ đánh chị. Tuy nhiên đến khoảng đầu năm 2025, anh D thuê người tìm được địa chỉ nơi chị đang sống và ép chị phải về nhà. Khi về đến nhà anh D nhốt chị vào nhà đánh đập chửi bới, dùng dao hơ nóng ép vào mặt làm chị bị bỏng một phần mặt khiến chị phải điều trị ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình 10 ngày và điều trị tại nhà 1 tháng, thời gian chị điều trị vết thương, anh D cũng không quan tâm, thậm chí hờn han gì. Việc anh D có hành vi bạo lực lên người chị, chị đã trình báo công an xã K giải quyết nhưng sau đó chị đã yêu cầu H giải nội bộ vợ chồng không yêu cầu cơ quan công an Công an giải quyết.

Hiện chị và anh D vẫn đang sống ly thân không ai quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Chị và anh D chỉ có ba con chung là cháu Nguyễn Đức H1 sinh ngày 15/7/2011, cháu Nguyễn Đức M sinh ngày 25/5/2013 và cháu Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 26/6/2019. Hiện cháu H1 và cháu T đang do anh D nuôi dưỡng và cháu M đang do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị đề nghị giao cháu M và cháu T cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, giao cháu H1 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị đã được Tòa án giải thích cho chị việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nhưng chị vẫn không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày:*

Anh xác nhận anh và chị Lê Thị H tự nguyện kết hôn, đăng ký tại UBND xã L, tỉnh Ninh Bình ngày 21/09/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 3A, xã K, tỉnh Ninh Bình.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng không có gì mâu thuẫn, đến năm 2015, anh phát hiện chị H có hành vi không chung thủy, quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Chị H đã xin anh tha thứ vì do không làm chủ được bản thân đã mắc sai lầm. Vì các con, vì gia đình nên anh đã chấp nhận bỏ qua để vợ chồng tiếp tục chung sống. Tuy nhiên, chỉ được một thời gian chị H lại tiếp tục phản bội anh, có quan hệ với người khác. Chị bỏ nhà đi rất nhiều lần, lần lâu nhất là vào khoảng tháng 7/2024 chị bỏ đi không liên lạc về gia đình và anh phải thuê người đi tìm về.

Cuối năm 2024, khi tìm được vợ về vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do anh cũng không kiềm chế được bản thân nóng giận nên đã đánh chị. Chị H đã trình báo lên Công an xã K nhưng sau đó để giải quyết nội bộ không yêu cầu công an giải quyết nữa. Là một người chồng, một người đàn ông trong gia đình mà vợ bỏ chồng bỏ con theo người khác thì không ai có thể giữ nổi được bình tĩnh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh nhất trí ly hôn với chị Lê Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có ba con chung là cháu Nguyễn Đức H1 sinh ngày 15/7/2011, cháu Nguyễn Đức M sinh ngày 25/5/2013 và cháu Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 26/6/2019. Cháu H1 và cháu T đang do anh nuôi dưỡng, cháu M đang sống cùng chị H. Cháu M từ khi đi cùng chị H không được đi học hơn nữa chị H rất hay uống rượu nên anh sợ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu. Do vậy, nay ly hôn anh đề nghị giao cả ba con chung là Nguyễn Đức H1, Nguyễn Đức M và Nguyễn Thị Thu T cho anh được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục và chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh hàng tháng với mức là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) mỗi cháu một tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, tự lập.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh và chị H không có tài sản chung và công nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự: xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời gian.

Các đương sự chấp hành đúng qui định của pháp luật về tố tụng dân sự, có mặt đầy đủ để làm việc và trình bày quan điểm của mình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H. Cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức M sinh ngày 25/5/2013 và Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 26/6/2019 cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc giáo dục; giao con chung Nguyễn Đức H1 sinh ngày 15/7/2011 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi các con chung thành niên, tự lập. Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Lê Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày và yêu cầu của đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn D có địa chỉ cư trú tại xóm 3A, xã K, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình).

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử anh Nguyễn Văn D là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh D cố tình không đến Tòa án để làm việc về việc giải quyết vụ án là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 21/09/2011 tại UBND xã Tân Thành cũ(nay là xã L), tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống chị H và anh D sống hoà thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H thì nguyên nhân chính là do anh D chơi bời cờ bạc, đánh chửi vợ con thậm chí còn có những hành vi bạo hành chị cả về tinh thần và thể xác. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng nhưng anh D không những không thay đổi mà còn đánh đập chị nhiều hơn, gây ức chế về tinh thần chị nhiều hơn, thậm chí đầu năm 2025, anh D đã dùng dao hơ nóng áp vào mặt chị, do vết thương bị bỏng nặng khiến chị phải điều đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Về phía anh D xác định giữa anh và chị H đã phát sinh mâu thuẫn từ 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do chị H có những hành vi không chung thủy, lừa dối chồng và con để có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác. Anh cũng nhiều lần tha thứ vì mong muốn các con anh có một gia đình trọn vẹn. Việc chị H nói anh có hành vi đánh chửi chị, anh thừa nhận là có việc đó vì ai trong hoàn cảnh của anh cũng không thể kiềm chế được khi vợ mình bỏ chồng bỏ con ở nhà theo người đàn ông khác; anh đã cố gắng tha thứ cho chị H rất nhiều lần nhưng chị không sửa chữa, hối lỗi mà ngày càng lún sâu hơn, nguyên nhân này khiến mâu thuẫn cho gia đình trở nên căng thẳng. Anh D trình bày nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình là có căn cứ; anh D xác định tình cảm giữa anh và chị H không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Tại biên bản xác M ngày 26/4/2025 Công an xã K cung cấp: Vào khoảng đầu năm 2025, chị Lê Thị H đã trình báo sự việc là vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và anh D có hành vi bạo hành, đánh chị. Tuy nhiên sau khi tiếp nhận công an yêu cầu chị H tới làm việc để trình bày rõ cụ thể sự việc diễn ra như thế nào những chị H lại có ý kiến xin rút lại đơn trình báo để vợ chồng tự H giải. Theo công an xã được

biết thì sau khi mâu thuẫn chị H đưa cháu M ra ngoài sinh sống; còn cháu H1 và cháu T vẫn sống cùng anh D.

Tại biên bản xác M ngày 09/5/2025, đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Anh D và chị H kết hôn hợp pháp và về sinh sống tại xóm 3A, xã K. Quá trình chung sống vợ chồng anh D thường xuyên đánh chửi nhau nhiều lần xóm phải can thiệp nhưng những ngày sau lại tiếp tục. Chị H đã bỏ nhà đi rất nhiều lần, anh D phải đi tìm về. Lần gần đây nhất khi về anh D đánh chị H, công an xã phải can thiệp. Tuy nhiên việc anh chị mâu thuẫn không yêu cầu xóm H giải nên xóm không lập biên bản. Hiện chị H và anh D không còn sống cùng nhau, cháu M sống cùng chị H còn cháu T và cháu H1 sống cùng anh D.

Tại Biên bản xác M ngày 26/04/2025 Công an xã K và Biên bản xác M ngày 09/05/2025 đại diện xóm 3A, xã K đại diện cung cấp thì anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị H trong thời gian chung sống tại địa phương thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau nguyên nhân mâu thuẫn không nắm được cụ thể. Chị H và anh D hiện đang sống ly thân nhau.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử thấy mặc dù nguyên nhân mâu thuẫn hai bên trình bày có khác nhau, nhưng cả anh D và chị H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ lâu không còn khả năng khắc phục, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài không còn quan tâm đến nhau; chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H và anh D đều xác định hai người đã sống ly thân từ tháng 7/2024 cho đến nay. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H cho chị Lê Thị Hoà được ly hôn với anh Nguyễn Văn D là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn D và chị Lê Thị H có ba con chung là cháu Nguyễn Đức H1 sinh ngày 15/7/2011, cháu Nguyễn Đức M sinh ngày 25/5/2013 và cháu Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 26/6/2019.

Anh Nguyễn Văn D có nguyện vọng nếu ly hôn xin nuôi cả ba con chung và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 2.000.000 đồng mỗi cháu một tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên, tự lập. Anh D trình bày anh đang làm công ty xây dựng H Bình thu nhập mỗi tháng là 12.000.000 đồng, hiện đã có nhà cửa ổn định anh thuê người bán bánh mỳ ở nhà thu nhập mỗi tháng là 3.000.000 đồng; anh có đủ điều kiện cả về thời gian và kinh tế để đảm bảo cuộc sống cho các con nhưng anh D lại không cung cấp tài liệu chứng M về thu nhập và điều kiện nuôi dưỡng các con như anh đã trình bày. Tại biên bản xác M ngày 09/05/2025 đại diện xóm 3A cung cấp hiện anh D đang làm công việc xe ôm tại xã K.

Về phía chị H cung cấp tài liệu chứng cứ chứng M thu nhập hàng tháng của mình, hiện chị đang làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh về điều kiện thời gian và kinh tế của chị đảm bảo để chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung khi ly hôn.

Con chung của hai anh chị là Nguyễn Đức M và Nguyễn Đức H1 thuộc trường hợp phải hỏi ý kiến thì cháu H1 có quan điểm xin được ở với bố còn cháu M xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn, cháu T còn nhỏ lại là con gái cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Để đảm bảo cuộc sống ổn định và phát triển bình

thường của các cháu, hạn chế thấp nhất đến việc xáo trộn về tâm sinh lý của các cháu khi bố mẹ ly hôn.

Do đó về việc nuôi con chung cần giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức M và cháu Nguyễn Thị Thu T; giao cháu Nguyễn Đức H1 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp và đảm bảo được nguyện vọng và quyền lợi của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung mặc dù đã được Toà án giải thích cho chị Lê Thị Hoà việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con. Nhưng chị Hoà vẫn không yêu cầu anh Nguyễn Văn D phải cấp dưỡng nuôi con cho chị do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoà.

Chị Lê Thị H, anh Nguyễn Văn D và các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị H và anh D không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D không đề nghị nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí, quyền kháng cáo: Chị Lê Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Văn D.

2. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức M sinh ngày 25/5/2013 và cháu Nguyễn Thị Thu T sinh ngày 26/6/2019 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn. Giao cháu Nguyễn Đức H1 sinh ngày 15/7/2011 cho anh Nguyễn Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: chấp nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Hoà tạm thời không yêu cầu tòa án giải quyết.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001788 ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình).

Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thị H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.
- UBND xã L.
- Các đương sự.
- UBND xã L
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh